

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/HSST
Ngày: 15-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nghiêm Xuân Hoàng

2/ Bà Lê Thị Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Nhật Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 34/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Quốc T; sinh năm: 1995 tại thành phố Cần Thơ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu vực 5, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ; nơi ở: Khu V, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Ngọc T1** và bà **Đào Kim H**; có vợ: H.Kanh Du sinh năm 1996 và con lớn nhất sinh năm 2018; con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo đang tại ngoại. (Bị cáo có mặt).

- Bị hại:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoa Tuệ Tâm

Địa chỉ: Phòng 3.33 Tầng 3 tòa nhà G, số H đường H, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật:

Bà **Nguyễn Thị Bảo C** - Sinh năm: 1997 (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc T2 - Sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: B H, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Nguyễn Văn B – Sinh năm: 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: B10/2BC tổ I, ấp B hẻm G, đường V, xã N, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Công ty Cổ phần Đ1 (vắng mặt)

Địa chỉ: 53/40/9 V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị Bảo C và bà Nguyễn Thị Ngọc T2 có mối quan hệ trong gia đình với nhau nên bà T2 có nhờ bà C đứng tên đăng ký thành lập Công ty Cổ phần Đ2 và giao cho bà C phụ trách mảng kinh doanh online; còn tất cả chi phí thành lập, vốn điều lệ, chi phí hoạt động và toàn quyền điều hành, phân công nhiệm vụ trong công ty là do bà Nguyễn Thị Ngọc T2 phụ trách. Vào tháng 10/2021, bà Nguyễn Thị Ngọc T2 có nhận Trần Quốc T, Trần Quốc T3 vào làm nhân viên Công ty Cổ phần Đ2. Vào thời điểm này, bà T2 có trực tiếp bỏ tiền ra mua mới ba chiếc xe ô tô tải để kinh doanh vận tải cho Công ty; bà T2 giao Trần Quốc T nhiệm vụ: tìm kiếm khách hàng ký hợp đồng, tổng kết báo cáo nộp hóa đơn chứng từ về công ty và đơn đốc việc thanh toán tiền cước vận chuyển của đối tác cho Công ty Cổ phần Đ2, còn Trần Quốc T3 có nhiệm vụ: quản lý, bảo dưỡng và điều hành xe.

Do thiếu nợ tiền và không có tiền tiêu xài, nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền cước vận chuyển của Công ty Cổ phần Đ2. Mặc dù biết rõ quy định khi đi tìm kiếm khách hàng để ký kết thì phải làm hợp đồng và cung cấp số tài khoản của Công ty Cổ phần Đ2, nhưng T đã lấy danh nghĩa cá nhân để thỏa thuận hợp tác kinh doanh vận chuyển với đối tác là Công ty Cổ phần Đ1, đồng thời cung cấp số tài khoản cá nhân của T là 060272457592 mở tại Ngân hàng TMCP S cho Công ty Cổ phần Đ1; do không biết Trần Quốc T là nhân viên của Công ty Cổ phần Đ2, nên trong thời gian từ tháng 12/2021 đến tháng 03/2022 Công ty Cổ phần Đ1 đã thỏa thuận với T thuê ba chiếc xe để vận chuyển hàng hóa, giữa T và Công ty Cổ phần Đ1 không ký hợp đồng với nhau; đồng thời Trần Quốc T báo cho bà Nguyễn Thị Ngọc T2 biết có đối tác để bà T2 cho điều xe nhưng không cung cấp đầy đủ thông tin cho bà T2 biết việc thỏa thuận hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đ1.

Quá trình thực hiện việc vận chuyển, Công ty Cổ phần Đ1 đã chuyển tổng cộng số tiền: 141.719.145 đồng (gồm tiền cước tháng 12/2021 là 32.936.000 đồng, tháng 1/2022 là 51.570.500 đồng, tháng 2/2022 là 11.782.000 đồng và tháng 3 là 45.430.645

đồng) vào tài khoản cá nhân số 060272457592 mở tại Ngân hàng TMCP S của Trần Quốc T để thanh toán tiền cước vận chuyển; nhưng Trần Quốc T vẫn thông báo cho bà T2 là đối tác chưa thanh toán tiền cước vận chuyển cũng như không nộp các hóa đơn chứng từ liên quan về công ty, đồng thời T cũng đã tự ý làm không bằng công nợ của Công ty Cổ phần Đ1 và ký giả chữ ký của giám đốc công ty là ông Nguyễn Ngọc Á rồi gửi báo lại cho bà T2 qua zalo. Đến khoảng tháng 3/2022, bà Nguyễn Thị Ngọc T2 cho dừng hoạt động vận tải của xe để kiểm tra giấy tờ, đối chiếu hóa đơn sổ sách cước vận chuyển và bà T2 có yêu cầu Trần Quốc T báo cáo thì Trần Quốc T mới đưa về cho bà T2 số tiền 22.000.000 đồng, còn lại số tiền: 119.719.145 đồng (một trăm mười chín triệu bảy trăm mười chín nghìn một trăm bốn mươi lăm đồng), Trần Quốc T đã chiếm đoạt và tiêu xài hết vào mục đích cá nhân. Do lo sợ bị phát hiện hành vi của mình nên T đã tự ý nghỉ việc rồi bỏ lên Bình Dương. Đến 25/5/2022 thì về làm việc với Cơ quan điều tra để làm rõ hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty Cổ phần Đ2.

Ngoài ra trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận P còn xác định T có thỏa thuận hợp tác kinh doanh, vận tải với Nguyễn Văn B, Ba đã chuyển số tiền 850.000 đồng (tám trăm năm mươi nghìn đồng) vào tài khoản cá nhân của T do đã nhờ T vận chuyển hàng hóa của Ba dùm và T cũng đã chiếm đoạt số tiền trên. Đối với số tiền theo bảng theo dõi công nợ cước vận tải do T tự làm gửi bà T2 thì công ty B1 còn nợ chưa thanh toán số tiền 49.794.000 đồng (bốn mươi chín triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn đồng) thì T xác nhận là bằng công nợ T làm giả để gửi cho bà T2 chứ không có thật, Công ty B1, Nguyễn Văn B đều xác định Công ty B1 không hợp tác kinh doanh gì với Công ty Cổ phần Đ2 nên không phát sinh quyền hay nghĩa vụ thanh toán, nên không đủ cơ sở xác định T chiếm đoạt số tiền trên.

Tài sản bị chiếm đoạt: Trần Quốc T đã khai nhận do bản thân không có tiền tiêu xài nên đã nảy sinh ý định và thực hiện hành vi chiếm đoạt tổng số tiền 120.569.145 đồng (một trăm hai mươi triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng một trăm bốn mươi lăm đồng). Hành vi trên do Trần Quốc T một mình thực hiện.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận P đã quyết định khởi tố điều tra đối với Trần Quốc T về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đối với Trần Quốc T3: không biết hành vi phạm tội của T, chỉ khi T yêu cầu điều xe thì T3 điều xe, nên không xử lý.

Vật chứng của vụ án:

Đối với: số tiền 120.569.145 đồng (một trăm hai mươi triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng một trăm bốn mươi lăm đồng) mà Trần Quốc T đã chiếm đoạt của Công ty Cổ phần Đ2, Trần Quốc T khai nhận đã tiêu xài sử dụng hết vào mục đích cá nhân nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận P không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự:

Phía bị hại có yêu cầu **Trần Quốc T** phải bồi thường khắc phục hậu quả toàn bộ số tiền 120.569.145 đồng (một trăm hai mươi triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng một trăm bốn lăm đồng) cho **Công ty Cổ phần Đ2**, ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Tại Cáo trạng số 20/CT-VKSPN ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Bị cáo **Trần Quốc T** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo Trọng đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, sau khi nêu lên những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và nhân thân của bị cáo; đã đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo từ 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng đến 4 (bốn) năm 6 (sáu) tù.

Về xử lý trách nhiệm, vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến tranh luận của bị cáo: Không có ý kiến tranh luận.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an quận P**, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an quận P**, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận,

Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình; qua lời khai nhận của bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định bị cáo **Trần Quốc T** là nhân viên của **Công ty Cổ phần Đ2** nhiệm vụ tìm kiếm khách hàng thuê xe, tổng hợp hoá đơn chứng từ báo cáo, nhắc thanh toán công nợ còn thiếu, **T** không được giao quản lý xe và nhận tiền từ khách hàng, khi thực hiện hợp đồng phải ký kết và cung cấp số tài khoản của **Công ty Cổ phần Đ2**. Nhưng bị cáo lại lấy danh nghĩa là cá nhân để thỏa thuận hợp tác kinh doanh vận chuyển với đối tác; do không biết xe này của **Công ty Cổ phần Đ2** nên các đối tác (**Công ty Cổ phần Đ1**, **Nguyễn Văn B**) đã chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của **T**; nhưng **T** không nộp lại đầy đủ số tiền này cho công ty mà làm khống bản xác nhận công nợ và làm giả chữ ký của giám đốc **Công ty Cổ phần Đ1** rồi gửi báo lại cho **Công ty Cổ phần Đ2**; từ đó bị cáo đã thực hiện nhiều hành vi gian dối trong một khoảng thời gian nhất định để chiếm đoạt tài sản của bị hại là tiền cước vận chuyển với tổng số tiền là: 119.719.145 đồng + 850.000 đồng = 120.569.145 đồng, nên bị cáo bị truy tố và xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Các hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (02 lần trở lên), nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ: Tuy nhiên, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục hậu quả một phần tiền cho bị hại (20.000.000 đồng), do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do mới bị kết án lần đầu.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị chiếm đoạt là số tiền cước vận chuyển mà khách hàng, đối tác đã thanh toán cho bị cáo, tổng cộng là 120.569.145 đồng (một trăm hai mươi triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn một trăm bốn mươi lăm đồng), nhưng bị cáo không nộp về Công ty mà đã chiếm đoạt số tiền trên, bị cáo đã bồi thường cho bị hại 20.000.000 đồng, nay phía Công ty Cổ phần Đ2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 100.569.145 đồng (một trăm triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn một trăm bốn mươi lăm đồng); bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo, do vậy căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bị cáo bồi thường khoản tiền như đã nêu trên cho Công ty Cổ phần Đ2.

Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Quốc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Quốc T;

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trạng.

3. Về các vấn đề khác:

- Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; buộc: Bị cáo Trần Quốc T bồi thường

khoản tiền 100.569.145 đồng (một trăm triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn một trăm bốn lăm đồng) cho Công ty Cổ phần Đ2.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc: Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 5.028.457 đồng (năm triệu không trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm năm mươi bảy đồng).

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP HCM;
- VKSNDTP.HCM;
- VKSND Q.Phú Nhuận;
- CA Q.Phú Nhuận;
- Chi cục THADS QPN;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hương Giang

